

THỰC TRẠNG CƠ CẤU XÃ HỘI GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM VÀ NHỮNG XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Giáo sư - Phó tiến sĩ ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG

Bước vào thời kỳ quá độ, giai cấp công nhân Việt Nam đã và đang trải qua những biến đổi phong phú. Song cho đến nay đội ngũ của giai cấp này mới chỉ chiếm một tỷ lệ rất thấp trong dân cư. Số công nhân trực tiếp sản xuất chỉ có 2.138.000 người. Nếu tính cả công nhân và viên chức nhà nước mới có được 4.027.000 người¹ trong số 64 triệu dân (chiếm khoảng 6% dân số). Điều dễ hiểu là ở Việt Nam công nghiệp chưa phát triển mạnh, lao động nông nghiệp và thủ công và thủ công còn chiếm tỷ lệ rất cao.

Chúng ta không coi số lượng là yếu tố hàng đầu- mặc dù là cần thiết và quan trọng- quyết định vai trò giai cấp công nhân, mà điều cơ bản là những đặc điểm và phẩm chất cách mạng của giai cấp đó. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội thì chất lượng và trình độ sản xuất của giai cấp công nhân gắn liền với cơ sở vật chất kỹ thuật có ý nghĩa rất quan trọng. Với 6% dân số, 16% lao động xã hội hiện nay, giai cấp công nhân Việt Nam hàng năm đã tạo ra được một khối lượng sản phẩm công nghiệp chiếm tới 40% tổng sản phẩm xã hội, bảo đảm trên 60% ngân sách nhà nước. Những con số này nói lên vai trò kinh tế- xã hội quan trọng hàng đầu của giai cấp công nhân.

Tuy nhiên, nhìn lại hơn 10 năm sau ngày hoàn toàn giải phóng ở miền Nam, cả nước đi vào thời kỳ quá độ, số lượng giai cấp công nhân tuy có tăng lên nhưng tốc độ phát triển còn rất chậm chạp². So với các nước xã hội chủ nghĩa anh em bước vào thời kỳ quá độ trước đây thì nhiều nước có tốc độ lớn hơn nhiều lần. Tất nhiên Việt Nam có hoàn cảnh riêng của mình. Song, ngay từ đầu Đảng và Nhà nước chưa xác định rõ những chính sách kinh tế phù hợp để duy trì và phát triển tiềm năng lao động công nghiệp của đất nước, chưa có chính sách cụ thể và nhất quán về 5 thành phần kinh tế. Do đó chưa mở ra được nhiều hướng để phát triển giai cấp công nhân và nền công nghiệp nước nhà.

Tình hình đó gắn liền với những nhận thức giản đơn về chủ nghĩa xã hội và những quan điểm chủ quan duy ý chí về một GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA sớm có ở Việt Nam. Những đặc trưng kinh tế xã hội của thời kỳ quá độ, đặc biệt ở chặng đường đầu tiên, chưa được nhận thức đúng mức. Do vậy trong những năm đó, xây dựng và phát triển giai cấp công nhân đồng nghĩa với tập trung

(1) Tạp chí *Tuyên truyền*: số 9- 1988, tr.6

(2) Xem: *Niên giám thống kê*; H.1987; tr.169, 173

hóa. “nhà nước hóa” lao động xã hội. Vì thế nhiều khả năng phát triển đội ngũ công nhân không được vận dụng và phát huy. Quan niệm về công nghiệp hóa trước đây thiên về đầu tư cho công nghiệp nặng, cho nhiều công trình có quy mô lớn và chỉ coi trọng công nghiệp quốc doanh, trên thực tế đã kìm hãm sự phát triển mạnh mẽ và đa dạng đội ngũ giai cấp công nhân ở Việt Nam.

Đại hội VI Đảng cộng sản Việt Nam, với quan điểm đúng đắn về nền kinh tế nhiều thành phần, về quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa trong suốt thời kỳ quá độ, về cơ cấu xã hội giai cấp trong thời kỳ này, đã và đang mở ra nhiều khả năng phát triển của giai cấp công nhân, với nhiều hình thức lao động công nghiệp ở các thành phần kinh tế, trong đó kinh tế quốc doanh vẫn giữ vai trò chủ đạo.

Xu hướng phát triển về số lượng và chất lượng của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay chính như trong suốt thời kỳ quá độ được quy định bởi nhu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng đất nước. Những điều kiện kinh tế vật chất, đồng thời phụ thuộc vào đường lối chính sách cụ thể của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là những quan điểm và chính sách nhất quán về nền kinh tế nhiều thành phần. Trong các nhân tố khách quan có sự tác động ngày càng tăng lên của các nhân tố quốc tế, như là trong bối cảnh mới của thời đại chúng ta.

Về số lượng, quá trình phát triển đội ngũ giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay được quy định và tác động bởi các nhân tố khách quan và chủ quan sau đây

Thứ nhất : Là một nước đang phát triển, nền kinh tế Việt Nam hiện nay rất cần vai trò của công nghiệp. Ngay khi xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu thì vai trò tác động của công nghiệp đã có ý nghĩa rất quan trọng. Công nghiệp có vai trò không thể thiếu được trong việc thực hiện các chương trình kinh tế, sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất hàng xuất khẩu, chế biến nông sản, đảm bảo máy móc, nông cụ, phân bón thuốc trừ sâu cho nông nghiệp để sản xuất đạt hiệu quả cao. Điều này cũng đồng thời, là yêu cầu phát triển đội ngũ giai cấp công nhân và phát huy vai trò của họ trong xây dựng kinh tế.

Thứ hai : Nền kinh tế Việt Nam hiện nay vừa đòi hỏi vừa mở ra nhiều khả năng phát triển đội ngũ giai cấp công nhân trên nhiều hướng khác nhau, phong phú và đa dạng. Đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về các thành phần kinh tế nhất là sự đổi mới quan niệm đối với các thành phần kinh tế cá thể và tư nhân đã và đang mở ra những hướng phát triển mạnh mẽ của giai cấp công nhân. Cả nước có gần 6.000 hợp tác xã và gần 13.000 tổ hợp tác sản xuất công nghiệp. Có những hợp tác xã có cơ sở sản xuất với hàng ngàn xã viên tổ chức kinh doanh như một cơ sở sản xuất lớn¹. Nghị quyết của Bộ Chính trị về các cơ sở ngoài quốc doanh vừa khẳng định vai trò vị trí, vừa chỉ ra con đường phát triển của các cơ sở kinh tế công nghiệp, tiểu công nghiệp khu vực này. Khả năng đó làm cho số lượng công nhân khu vực kinh tế tập thể và tư nhân tiếp tục tăng lên đáng kể so với trước.

Về mặt Nhà nước, đã lần lượt có những văn bản pháp quy thể hiện quan điểm của Đảng thừa nhận sự tồn tại lâu dài và tác động tích cực của các thành phần kinh tế cá thể và tư nhân, cho phép hộ cá thể và tư nhân thuê mướn lao động theo nhu cầu sản xuất và kỹ thuật, tổ chức sản xuất kinh doanh dưới hình thức xí nghiệp tư doanh.

(1) Đỗ Mười: Báo *Nhân dân* ngày 23.8.1988

công ty cổ phần, tổ hợp doanh với quy mô không hạn chế¹. Nguồn lao động ở Việt Nam rất dồi dào. Sự phát triển các tổ hợp sản xuất, các xí nghiệp nói trên sẽ tạo ra một sự di chuyển lao động vào công nghiệp ngày một lớn hơn, bổ sung cho đội ngũ giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay.

Thứ ba: Nhân tố quốc tế đã và đang tác động vào quá trình phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam về số lượng và chất lượng trên nhiều khía cạnh. Thời đại ngày nay là thời đại con người *công nghiệp hóa lao động* của mình. Ở các nước đang phát triển diễn ra các quá trình tăng nhanh đội ngũ công nhân cùng với sự phát triển của công nghiệp và lao động công nghiệp theo quy mô phù hợp ở mỗi nước.

Ở Việt Nam mấy năm gần đây số lao động đi hợp tác lao động ở nước ngoài trở thành một lực lượng kinh tế- xã hội trong cơ cấu dân cư và bổ sung vào đội ngũ công nhân của đất nước. Riêng với Liên Xô, Cộng hòa dân chủ Đức, Bungari, Tiệp Khắc, từ 1982 đến 1987 Việt Nam cử đi 127.056 người, đã về nước 33.602 người, còn đang làm việc 93.451 người. Năm 1983 riêng ở miền Bắc số lao động ở nước ngoài là 16 vạn người. Kế hoạch 1989 Việt Nam sẽ đưa đi hợp tác là 20 vạn lao động. Số công nhân về nước hầu hết có tay nghề bậc 4,5 và 6, có thể làm việc ở khu vực quốc doanh, tập thể và tư nhân. Với chính sách của Nhà nước hiện nay, họ có thể tiếp tục trở thành những người công nhân công nghiệp thực sự của đất nước.

Trong những năm trước mắt, việc Nhà nước ban hành Luật đầu tư sẽ mở ra thời kỳ các nước đầu tư và tiến hành sản xuất kinh doanh ở Việt Nam. Tình hình này sẽ tác động đến quá trình di chuyển lao động vào công nghiệp, làm cho số lượng giai cấp công nhân tăng lên mạnh hơn.

Theo quan niệm của chúng tôi về đặc trưng chủ yếu của giai cấp công nhân là lao động công nghiệp, có thể xếp lực lượng lao động tiểu công nghiệp khu vực tập thể vào đội ngũ công nhân. Những con số này cũng rất đáng kể. Trong tổng số lao động tiểu thủ công nghiệp khu vực tập thể của cả nước là gần 2.000.000 người, số công nhân tiểu công nghiệp có hơn 600.000 người (năm 1987) và đang tăng nhanh. Đáng kể nhất là sự phát triển số lượng công nhân và những người lao động khu vực cá thể và tư nhân trên địa bàn cả nước, trong trạng thái luôn luôn biến động theo nhịp độ tăng lên không ngừng.

Các nhân tố và tình hình nói trên đưa tới một đặc điểm của chặng đầu thời kỳ quá độ là **CƠ CẤU GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM NGÀY CÀNG ĐA DẠNG VÀ ĐANG BIẾN ĐỘNG THEO HƯỚNG KHÔNG THUẦN NHẤT TRONG NỘI BỘ GIAI CẤP**. Tính đa dạng và phức tạp này còn tồn tại trong một thời gian khá dài cùng với nền công nghiệp non trẻ và đa dạng ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Cơ cấu đa dạng và phức tạp của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay được xét trên nhiều mặt, liên quan và được quy định bởi các nguyên nhân kinh tế- xã hội. Từ góc độ của các thành phần kinh tế và chế độ sở hữu thì giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay bao gồm:

- Bộ phận công nhân trong các xí nghiệp tập thể, các hợp tác xã cơ khí, tổ hợp sản xuất và dịch vụ công nghiệp.

(1) Nghị định số 146/HĐBT. Báo *Nhân dân* ngày 5.10.1988

- Bộ phận công nhân trong các xí nghiệp công tư hợp doanh
- Bộ phận công nhân làm thuê trong các xí nghiệp tư nhân.
- Bộ phận công nhân đang làm việc ở nước ngoài.

Những bộ phận này có liên kết với nhau, đồng thời lại lao động trong các thành phần kinh tế có tranh đua với nhau trong sản xuất và kinh doanh với trình độ tư tưởng và nghề nghiệp cũng khác nhau. Song tất cả đều là những bộ phận hữu cơ thống nhất của giai cấp công nhân Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

Hiện nay xu hướng tăng lên về số lượng giai cấp công nhân thì bộ phận công nhân khu vực quốc doanh có xu hướng tăng chậm lại. Nếu trước đây chúng ta định hướng tập trung phát triển công nghiệp quốc doanh và các xí nghiệp trên quy mô lớn, thì những chính sách của Đảng và nhà nước Việt Nam gần đây chủ yếu mở ra các hướng phát triển cho các cơ sở sản xuất ngoài quốc doanh. Cho nên tốc độ tăng số lượng người lao động và công nhân ngoài quốc doanh có xu hướng tăng mạnh hơn thậm chí ở khu vực kinh tế cá thể và tư nhân có chiều hướng tăng lên nhanh nhất. Mặt khác trong thời điểm chuyển từ cơ chế quản lý bao cấp sang hạch toán kinh doanh hiện nay, thực tế sản xuất và kinh doanh công nghiệp có tình hình thua lỗ kéo dài của các xí nghiệp quốc doanh. Năm 1988: 30% số công ty và xí nghiệp thua lỗ, 50% số xí nghiệp không có lãi. Do đó có tình trạng công nhân xí nghiệp quốc doanh xin chuyển sang hợp tác xã hoặc bỏ cơ quan Nhà nước ra làm ngoài, vì thu nhập ở xí nghiệp quốc doanh thấp hơn tập thể, tập thể thấp hơn cá thể và tư nhân.

Hiện tượng di chuyển lao động này diễn ra khá sớm ở miền Nam, đặc biệt ở thành phố Hồ Chí Minh. Gần đây Nhà nước có chủ trương đối với các xí nghiệp quốc doanh kém hiệu quả hoặc gặp khó khăn, có thể áp dụng các hình thức liên kết, liên doanh hoặc *cho tập thể hay tư nhân thuê*, hoặc có thể chuyển thành xí nghiệp tập thể, xí nghiệp cổ phần hoặc *bán cho tư nhân*¹. Như vậy tỷ lệ số lượng công nhân ở các khu vực ngoài quốc doanh có xu hướng tăng nhanh hơn khu vực quốc doanh.

Với tính hình phát triển số lượng như trên, với một cơ cấu đa dạng và phức tạp như hiện nay, phải chấp nhận một THỰC TRẠNG YẾU KÉM VỀ NHIỀU MẶT TRONG CHẤT LƯỢNG GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM:

- Trình độ văn hóa kém, trình độ tay nghề thấp, do quá trình đào tạo và bồi dưỡng còn nhiều hạn chế. Tay nghề trung bình của công nhân mới ở bậc thợ 3,3/7, công nhân có trình độ bậc thợ 7 mới chiếm 1,9%, ở Hà Nội thợ bậc 7 chiếm 0,7%, Hải Phòng 2,1%, thành phố Hồ Chí Minh 5,3%.

- Tỷ lệ Đảng viên trong công nhân quá thấp: năm 1982 là 6,6%, năm 1988: 7,7%. Mấy năm gần đây số Đảng viên mới kết nạp là công nhân chỉ chiếm từ 7 đến 8%². Tỷ lệ đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trong công nhân quá thấp: 31,9%.

- Phẩm chất giai cấp và ý thức tổ chức kỷ luật của công nhân Việt Nam những năm qua có chiều hướng đi xuống nghiêm trọng. Không ít công nhân chưa thể hiện sâu sắc bản chất và vị trí giai cấp của mình. Ý chí phấn đấu cách mạng, ý thức kỷ luật lao động trong một bộ phận công nhân giảm sút rõ rệt. Hiện tượng bị tha hóa về lao động, về phẩm chất giai cấp, về lối sống thể hiện trong một bộ phận giai cấp công

¹ Nghị quyết kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa 8 về kế hoạch 1989

(2) Số liệu trong Bài nói của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Đại hội Công đoàn Việt Nam lần thứ 6 (1988).

Thực trạng cơ cấu

nhân. Một số công nhân chạy theo lối sống thực dụng tầm thường, một số công nhân trẻ còn bị ảnh hưởng của văn hóa đồi trụy.

Nguyên nhân của những hiện tượng tiêu cực này là do, một mặt đời sống công nhân hiện nay còn gặp quá nhiều khó khăn. Mặt khác công tác giáo dục chính trị tư tưởng, công tác quản lý và kỷ luật có nhiều thiếu sót, buông lỏng, sản xuất kinh doanh thua lỗ kéo dài.

Thực trạng trên do những nguyên nhân mang tính lịch sử cụ thể. Điều chủ yếu là giai cấp công nhân Việt nam sinh trưởng ở một nước nông nghiệp lạc hậu, đại công nghiệp chưa phát triển, chưa được rèn luyện trong môi trường của công nghiệp lớn. Có thể nói rằng ở Việt Nam vì căn bản chưa có giai cấp công nhân hiện đại: Số đông là công nhân ít đời, có nhiều nhược điểm, ảnh hưởng của nông dân và tiểu tư sản cong lớn, mang nhiều dấu vết của người sxu nhỏ. Điều đáng suy nghĩ của Đảng và Nhà nước là đời sống vật chất và tinh thần của họ còn quá thấp. Giai cấp công nhân làm ra nhiều của cải cho xã hội nhưng chưa được chú ý đúng mức, nhất là ở khu vực quốc doanh, trong thời kỳ chuyển từ cơ chế quản lý kinh tế bao cấp sang hạch toán kinh tế kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Song, nhìn vào những nhân tố hiện thực và sâu xa sẽ thấy những cơ sở xác định để giai cấp công nhân có thể trưởng thành về chất lượng trong những năm trước mắt và giai đoạn tiếp theo:

- Trước hết là các nhân tố kinh tế, là quan hệ giai cấp công nhân với tư liệu sản xuất và tư liệu lao động. Với cơ chế quản lý mới hiện nay là từng bước được cải tiến, hoàn chỉnh sẽ làm cho người công nhân gắn bó trực tiếp hơn và các tư liệu lao động và sản phẩm lao động của họ làm ra. Lợi ích vật chất trong một chế độ quản lý phù hợp là động lực thúc đẩy họ tích cực lao động, lao động có chất lượng hơn, nâng cao tay nghề và kinh nghiệm sản xuất của họ, nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm của họ. Điều này có ý nghĩa đối với các bộ phận của giai cấp công nhân ở tất cả các khu vực và thành phần kinh tế khác nhau:

- Trình độ văn hóa và nghề nghiệp của giai cấp công nhân *cũng* sẽ được tăng lên do công tác đào tạo và bồi dưỡng công nhân được chú ý hơn cộng với nguồn bổ sung cho giai cấp này có những thay đổi khác trước. Hiện nay nguồn bổ sung chủ yếu cho đội ngũ công nhân là những học sinh phổ thông trung học và các trường dạy nghề công nghiệp có trình độ văn hóa và nghề nghiệp cao hơn trước đây, số này chiếm tới 65%. Các nguồn khác: bộ đội xuất ngũ 11,4%; nông dân trước kia là chủ yếu (miền Bắc 54%, miền Nam 64%)¹ thì ngày nay chỉ còn 8,2%; lao động thủ công: 7%; người buôn bán: 0,6%. Tuy nhiên, tỷ lệ xuất thân từ các gia đình công nhân vẫn còn **thấp**²

- Về mặt chính trị - xã hội, ngày càng có một bối cảnh thuận lợi hơn, thể hiện ở thái độ, chính sách và quan điểm đối xử bình đẳng và đúng đắn với công nhân các khu vực, lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo sự đóng góp xây dựng đất nước. Tình hình đó cộng với một bối cảnh quốc tế cởi mở và tiếp thu những thành tựu tiên tiến của thế giới về khoa học kỹ thuật, về khoa học quản lý, v.v... Những yếu tố đó là hiện thực và có tính khách quan, tác động thường xuyên tới sự phát triển của giai cấp công nhân Việt Nam, cộng với sự nỗ lực phấn đấu của bản thân họ trong bối cảnh đổi mới hiện nay

(1) Tạp chí *Triết học* số 3 (tháng 9 năm 1985).

(2) Theo tài liệu của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

Theo chúng tôi, quá trình biến đổi này diễn ra trong suốt thời kỳ quá độ và sẽ trải qua hai giai đoạn. Đó là quá trình giai cấp công nhân Việt Nam liên tục và không ngừng phát triển về số lượng và nâng cao về chất lượng. Trong giai đoạn thứ nhất, từ khi cả nước bước vào thời kỳ quá độ và đặc biệt là từ sau đại hội lần thứ VI Đảng cộng sản Việt Nam (1986) cho đến những năm có thể kết thúc chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, giai cấp công nhân tiếp tục phát triển, chất lượng cũng được củng cố phần nào. Song chủ yếu là sự phát triển về số lượng. Tiếp đến trong giai đoạn sau, giai đoạn chính thức bước vào công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa sẽ có những điều kiện vật chất kỹ thuật đầy đủ hơn để giai cấp công nhân phát triển mạnh về chất lượng trong khi đội ngũ của họ vẫn được bổ sung theo một nhịp độ bình thường và vững chắc.

Xu hướng phát triển chung đó của giai cấp công nhân là sự thể hiện tập trung của các xu hướng biến đổi cụ thể trong cơ cấu của nội bộ giai cấp. Nói cách khác xu hướng phát triển chung đó về số lượng và chất lượng biểu hiện thông qua các xu hướng biến đổi cụ thể trên từng mặt sau đây :

Một là : Xu hướng đa dạng hóa trong sự phát triển của giai cấp công nhân ở các thành phần kinh tế. Nếu trước kia chủ yếu chỉ thấy công nhân trong khu vực Nhà nước thì ngày nay (như trên đã nói) có công nhân khu vực quốc doanh, có công nhân khu vực tập thể, có công nhân khu vực tư nhân (thậm chí có người công nhân có thể được xếp vào cả hai loại hình kinh tế nào đó). Sự đa dạng hóa này hiện nay trong giai cấp công nhân từ chỗ làm tăng thêm tính phức tạp và không thuần nhất trong nội bộ giai cấp của họ, sẽ đi tới làm giảm dần dần những sự chênh lệch về nhiều mặt (như trình độ tay nghề, ý thức tư tưởng giai cấp,...) của họ do đường lối chính sách về kinh tế và xã hội đúng đắn của Đảng cộng sản Việt Nam, do sự liên kết xích lại gần nhau của họ trong quá trình sản xuất công nghiệp diện doanh liên kết giữa các thành phần kinh tế), chính bản thân giai cấp công nhân rèn luyện và nhận thức được vị trí của giai cấp mình. Ở đây có vai trò của các đoàn thể và tổ chức xã hội, trực tiếp là các tổ chức của Liên đoàn lao động Việt Nam.

Hai là : Xu hướng trình độ văn hóa và tay nghề ngày một tăng lên (trong điều kiện đã nói ở trên) gắn liền với xu hướng trẻ hóa đội ngũ công nhân cả về tuổi đời và tuổi nghề. Tình trạng 60% công nhân chưa qua các trường lớp đào tạo do sự nôn nóng “công nhân hóa, nhà nước hóa, công nghiệp hóa” có điều kiện khắc phục bằng nhiều hình thức đào tạo và bồi dưỡng trên cơ sở các thành phần kinh tế đều phát triển mạnh. Tuổi đời trung bình của đội ngũ công nhân còn tiếp tục giảm xuống khi số lượng tăng nhanh và sẽ chậm dần lại khi chuyển sang chủ yếu phát triển về chất lượng. Hiện nay số công nhân trẻ chiếm tới 60%. Số có chưa đầy 10 tuổi nghề ở độ tuổi dưới 30 chiếm tới 51%.

Ba là : Xu hướng đồng đều hóa một cách tương đối trong cơ cấu giới tính của đội ngũ công nhân dần dần tăng lên. Trước đây trong hoàn cảnh chiến tranh và nhu cầu xây dựng, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, số nam công nhân giảm đi đáng kể. Trong hoàn cảnh mới, bối cảnh và tư duy mới (đương nhiên vẫn phải coi trọng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc) tỷ lệ nam - nữ trong công nhân dần dần trở lại bình thường tỷ lệ nữ công nhân tăng dần lên. Năm 1975 nữ công nhân viên chức là 42.5%, năm 1988 là 46%.

Bốn là : Xu hướng phân bố đồng đều hơn một cách tương đối giai cấp công nhân trên các địa bàn kinh tế và xã hội của đất nước, gắn liền với cơ cấu xã hội - dân cư.

Thực trạng cơ cấu

Hiện nay có những cơ sở công nghiệp như ở Hòa Bình Trị An, Biên Hòa, Dệt 8-3 Hà Nội.... tập trung quá nhiều công nhân, làm cho việc phục vụ các nhu cầu sinh hoạt của họ thêm nhiều khó khăn. Xu hướng này được quy định bởi nhận thức mới về quy mô của sản xuất công nghiệp, trong đó coi trọng phát triển các công trình quy mô nhỏ và vừa, được quy định bởi sự trưởng thành của đội ngũ công nhân trong các vùng nông nghiệp. Ở các địa phương của đất nước và trong các thành phần kinh tế hiện nay ở Việt Nam.

Năm là : Xu hướng nâng cao tay nghề và năng lực, trình độ sản xuất song song với xu hướng cơ cấu nghề nghiệp càng ngày càng đa dạng hơn trong công nhân Việt Nam. Do sự phát triển của các thành phần kinh tế, của các ngành kinh tế quốc dân, sẽ có những bộ phận công nhân công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, công nhân nông nghiệp, v.v... nổi lên như những “binh chủng” với những sắc thái riêng biệt của mình, tạo được những “mũi nhọn” nghề nghiệp. Tỷ lệ công nhân lành nghề thợ bậc cao ngày càng tăng lên từ sự phát triển lên trình độ mới của sản xuất và kỹ thuật. Đang và sẽ hình thành rõ hơn cơ cấu công nhân sản xuất và công nhân ở các ngành dịch vụ. Bộ phận công nhân dịch vụ dần dần tăng lên.

Sáu là: Xu hướng ngày càng lãng lên số lượng công nhân truyền thống nhiều đời trong quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp với phương châm tiểu công nghiệp hiện đại và thủ công nghiệp tinh xảo. Hiện nay ở thành phố Hồ Chí Minh, nơi có nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp và tiểu công nghiệp phát triển, số công nhân có truyền thống 3 đời mới chiếm 8%, 2 đời chiếm trên 20%.

Những điều kiện có tính khách quan và xu hướng phát triển có tính tất yếu nói trên sẽ được hiện thực hóa từng bước. Giai cấp công nhân Việt Nam sẽ trưởng thành hơn, thể hiện rõ vai trò chủ đạo trong kinh tế và chính trị - xã hội. Theo quan niệm của chúng tôi, đến cuối thời kỳ quá độ vẫn còn đáng kể bộ phận công nhân khu vực tập thể, vẫn tồn tại một bộ phận không nhỏ những người lao động và công nhân khu vực kinh tế cá nhân và tư nhân. Song, khi đó lực lượng công nhân khu vực kinh tế quốc doanh đã thực sự lớn mạnh. Cho nên, khi kết thúc thời kỳ quá độ, ở Việt Nam về cơ bản hình thành một giai cấp công nhân có chất lượng mới: giai cấp công nhân Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Xu hướng nói trên là có tính khách quan. Để đạt được mục tiêu ấy, và mặt chủ quan, Đảng và Nhà nước phải thực hành một kế hoạch có tầm chiến lược xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam mới cùng với nền công nghiệp phát triển của nước nhà. Trước mắt phải thực hành các nhiệm vụ chính sau:

- Xác định cơ cấu và bước đi thích hợp để phát triển công nghiệp, coi trọng phát triển các xí nghiệp quy mô nhỏ và vừa.

- Kết hợp sự hợp tác toàn diện và có hiệu quả, tranh thủ sự giúp đỡ của các nước anh em và hợp tác với các nước phát triển và đang phát triển trên thế giới cũng như trong khu vực, cộng với những nỗ lực chủ quan theo một kế hoạch có cơ sở khoa học đầy đủ, đưa lại thành tựu đáng kể trong kinh tế công nghiệp.

- Thực hành đổi mới cơ chế quản lý công nghiệp, phát huy quyền tự chủ của các xí nghiệp; phân định rõ ràng giới quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý sản

xuất kinh doanh, không gây khó khăn, cản trở sản xuất đối với các xí nghiệp ở mọi thành phần kinh tế.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công nghiệp nhỏ, cá thể phát triển, khuyến khích khu vực công nghiệp tư nhân phát triển theo sự hướng dẫn của Nhà nước, đồng thời phải tập trung thích đáng cho sự phát triển công nghiệp khu vực quốc doanh tập thể.

- Có kế hoạch chủ động xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam phát huy vai trò của tổ chức Liên đoàn lao động ở cả các thành phần kinh tế. Coi trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng công nhân, như Đại hội VI Đảng cộng sản Việt Nam đã xác định:

“Đối với giai cấp công nhân, Đảng cần có những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ hiểu biết về mọi mặt để xứng đáng với vị trí tiên phong của cách mạng, đồng thời chăm lo đời sống vật chất và văn hóa, tạo những điều kiện cần thiết để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình; có chế độ tiền lương và phúc lợi xã hội hợp lý... Đảng cần tổng kết kinh nghiệm và ra Nghị quyết về xây dựng giai cấp công nhân”⁹

Tháng 3 - 1989

9 Văn kiện Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Sự thật. H. 1987, tr.115